

Đơn vị: Trường Đại học Hoa Lư

Địa chỉ: Đường Xuân Thành, TP Ninh Bình, tỉnh NB

Điện thoại: 0914602688

### DANH SÁCH CHI TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN PHỤ CẤP

Tháng 10 năm 2020

Tại Ngân hàng TMCP Công thương Ninh Bình.

( Trích từ tài khoản số: 128000064631 để chi trả theo danh sách)

STT	Họ và Tên	So chung minh thu	So tai khoan	Tiền lương tháng 10/2020 sau khi trừ bảo hiểm	Truy lĩnh lương do nâng bậc lương	Phụ cấp kiêm nhiệm Hiệu trưởng trường PTTH sư phạm Tràng An tháng 10/2020	Số tiền thực lĩnh
A	B	C	D	1	2	3	4=1+2+3
I	Đối với công chức, viên chức			1.690.395.695	21.519.243	956.580	1.712.871.518
1	VU VAN TRUONG	161993051	109003939365	14.185.603		956.580	15.142.183
2	NGUYEN MANH QUYNH	164473911	104005205286	13.328.950	21.519.243		34.848.193
3	PHAM QUANG HUAN	161777987	109005151144	7.707.919			7.707.919
4	NGUYEN HUU TIEN	161713672	109005157499	17.347.927			17.347.927
5	BUI THI KIM PHUONG	164343252	101005157216	14.129.305			14.129.305
6	PHAM VAN CUONG	161649249	100005157459	13.034.520			13.034.520
7	BUI BINH AN	164542072	109006803106	8.214.668			8.214.668
8	TRAN VIET HUNG	161780163	105003831402	13.537.626			13.537.626
9	DUONG TRONG HANH	161649512	100005157504	13.777.741			13.777.741
10	PHAN THI HONG DUYEN	164090967	106005157492	13.448.661			13.448.661
11	NGUYEN THI PHUONG	161707928	102005157432	13.159.752			13.159.752
12	VU THI THUY NGA	161982817	107005157477	11.070.196			11.070.196

13	PHAM THI THANH VAN	161906004	104005157494	12.254.740			12.254.740
14	LUU THI CHUNG	164291203	106005157384	12.859.846			12.859.846
15	TRAN THI HUYEN PHUONG	164066207	102005157469	12.859.846			12.859.846
16	PHUNG THI THANH HUONG	162021396	106005157465	12.782.233			12.782.233
17	HA THI HUONG	164016412	100003946824	12.782.233			12.782.233
18	HOANG DIEU THUY	164021027	103004181393	11.603.162			11.603.162
19	PHAM THI LOAN	164029115	108005157451	10.150.599			10.150.599
20	PHAM XUAN LE DONG	161990918	108005157463	11.242.061			11.242.061
21	HOANG DUC HOAN	164030381	107005157356	11.023.769			11.023.769
22	NGUYEN THI THU GIANG	164491557	105005157415	11.023.769			11.023.769
23	NGUYEN THI NGUYET	164020018	103005157431	11.438.524			11.438.524
24	NGUYEN THI MINH NGOC	164030375	104005157428	11.903.729			11.903.729
25	BUI THI HAI YEN	164030583	100003856871	7.612.783			7.612.783
26	DUONG THI NGOC ANH	164029440	100005157268	9.604.868			9.604.868
27	VU THI DIEU THUY	164026036	106005157478	10.478.038			10.478.038
28	LE THI TAM	164089280	103005157375	10.500.298			10.500.298
29	DONG THI THU	164059248	109005157175	10.286.006			10.286.006
30	NGUYEN THI HONG TUYEN	164049710	106005157414	10.457.419			10.457.419
31	VU THI HONG	164050498	106005157480	11.151.687			11.151.687
32	LE THI HUE	164049211	108005157370	10.240.460			10.240.460
33	DOAN SY TUAN	164050654	101005157203	10.996.036			10.996.036
34	LAM VAN NANG	164048713	103005157362	10.414.027			10.414.027
35	LE HONG PHUONG	164049366	109005157366	10.457.419			10.457.419
36	BUI THI KIM CUC	164046284	106004174861	9.546.192			9.546.192
37	NGUYEN ANH TUAN	164048826	100005157410	10.350.017			10.350.017
38	DINH THI KIM DUNG	164065091	100005157198	9.315.015			9.315.015
39	NGUYEN THI LOAN	164065050	102005157420	9.315.015			9.315.015
40	TRAN NGOC TU	164218529	107005157491	10.328.865			10.328.865

41	LE THI TUYET NHUNG	164029204	100005157378	10.029.965		10.029.965
42	PHAM VAN TRUYEN	161814417	100005157461	6.294.356		6.294.356
43	HOANG THI BANG	171591656	104005157359	9.199.796		9.199.796
44	TA HOANG MINH	164034680	105005157466	10.393.142		10.393.142
45	NGUYEN THI TO UYEN	164039598	105004093821	9.372.624		9.372.624
46	NGUYEN THI BICH NGOC	162164122	106004502181	10.177.517		10.177.517
47	LUONG THI HA	161937585	103005157501	10.366.347		10.366.347
48	LA THI HUONG GIANG	164056059	101005157364	5.414.213		5.414.213
49	LUU THANH NGOC	164085337	107005157383	7.794.272		7.794.272
50	PHAM THI THANH	164106651	104003863966	10.221.996		10.221.996
51	LE THI THU HOAI	164086639	102005157376	8.497.034		8.497.034
52	MAI THI THU HAN	164102198	109005157408	10.221.996		10.221.996
53	PHAM THI HUONG THAO	164113102	108005157449	9.290.324		9.290.324
54	NGUYEN THI THINH	164111244	100005157434	9.311.487		9.311.487
55	LUONG DUY QUYEN	164116533	102005157363	10.071.756		10.071.756
56	NGUYEN TAT THANG	164066771	102005157418	8.443.826		8.443.826
57	HOANG THI TUYET	164039510	105005157360	9.428.839		9.428.839
58	DINH THI HOA	164139897	101005157197	8.284.200		8.284.200
59	TRAN THI TO VAN	164002194	106001430314	6.294.356		6.294.356
60	DO THI TUOI	164094500	103005157183	5.320.865		5.320.865
61	DO THI THUY	164027935	105004502182	10.286.006		10.286.006
62	TRAN THI THANH PHUONG	162380660	103005157471	7.696.656		7.696.656
63	NGUYEN VAN LINH	164080958	109004749676	4.454.057		4.454.057
64	DANG THI THU HA	164054997	109005157487	9.194.134		9.194.134
65	NGUYEN THI MY HANH	164156675	103005157429	9.252.811		9.252.811
66	NGUYEN THI LIEN	164148485	107005157425	10.304.266		10.304.266
67	PHAM THI THU HIEN	164137626	103005157456	9.231.781		9.231.781
68	HOANG THI NGOC HA	164072990	102005157502	7.599.040		7.599.040

69	BUI DUY BINH	164179032	105005157209	9.500.294		9.500.294
70	NGUYEN THIET KE	164108127	106003969174	7.599.040		7.599.040
71	PHAM THANH XUAN	164124197	103003966170	7.969.326		7.969.326
72	PHAM THANH TRUNG	164337999	108004166513	10.451.575		10.451.575
73	DAO SY NHIEN	164066959	104005157170	8.930.679		8.930.679
74	DINH THI THUY	164194427	109005157199	7.647.848		7.647.848
75	VU THI HUONG GIANG	164177476	105005157479	7.920.518		7.920.518
76	DINH THI KIM KHANH	164110279	101007089288	8.692.636		8.692.636
77	DOAN THI THOM	164179294	109005157205	6.913.881		6.913.881
78	BUI THUY LIEN	164191694	105005157212	7.599.040		7.599.040
79	DAM THU VAN	164141671	102005157169	7.599.040		7.599.040
80	NGUYEN THI THAO	164182497	101005157433	2.181.360		2.181.360
81	VU THI VAN HUYEN	164085242	101005157485	7.744.377		7.744.377
82	PHAM THI HONG TAM	164180754	109005157450	7.599.040		7.599.040
83	DO THI HONG THU	164188022	106004445212	8.429.536		8.429.536
84	NGUYEN THI HANG	164219099	100005157422	6.913.881		6.913.881
85	VU THI HUONG	164204999	105005157481	7.599.040		7.599.040
86	NGUYEN THI HONG NHUNG	164219557	108005029907	6.913.881		6.913.881
87	LE THI LIEU	164127932	105005157373	6.913.881		6.913.881
88	DANG THI THU HA	164139129	102005157172	7.744.377		7.744.377
89	HOANG VIET HUNG	164175441	104005157361	7.599.040		7.599.040
90	TRUONG NGOC DUONG	164208604	108004073057	7.599.040		7.599.040
91	BUI THI HONG GIANG	164141136	104005157213	7.599.040		7.599.040
92	PHAM XUAN NGUYEN	164160304	100003902691	7.599.040		7.599.040
93	BUI THI TUYET	164213389	101005157230	7.599.040		7.599.040
94	PHAM THI HUONG	164189141	109005157448	7.599.040		7.599.040
95	TRAN THU THUY	164184817	101005157473	4.880.793		4.880.793
96	DINH THI HONG LOAN	164201117	102005157196	7.647.848		7.647.848

97	PHAM THANH TAM	164184946	101005157446	6.913.881		6.913.881
98	LE THI NGOC THUY	162363113	104005157374	8.786.149		8.786.149
99	LE THI THU THUY	164153528	101005157377	6.913.881		6.913.881
100	DUONG TRONG LUYEN	164224646	103005157323	8.637.160		8.637.160
101	LE THI UYEN	141904518	109005157379	6.913.881		6.913.881
102	NGUYEN THI THU HOAI	164027595	108005157436	5.414.213		5.414.213
103	NGUYEN THI HOANG HUE	164148821	102004480152	7.647.848		7.647.848
104	BUI THI NGUYEN	162431159	101001971839	7.696.656		7.696.656
105	LE NGUYET HAI NINH	164172412	107005157368	9.056.153		9.056.153
106	LE THI HONG HANH	164105352	106004220533	7.550.232		7.550.232
107	DO THI GIANG	161562927	105005157181	4.347.373		4.347.373
108	LE THI LAN ANH	164223377	106005157372	7.117.559		7.117.559
109	DINH THI THUY	164266522	103005157201	6.869.474		6.869.474
110	DINH BA HOE	164127501	105005157193	6.869.474		6.869.474
111	LUONG THI THU GIANG	164160800	103004087815	6.869.474		6.869.474
112	PHAM VAN CUONG	164157197	101005157460	6.869.474		6.869.474
113	PHAN THI HANG NGA	164162177	107005157464	6.869.474		6.869.474
114	PHAM THU THUY	164213449	106004505643	4.440.722		4.440.722
115	PHAM THI OANH	164148763	105005157454	6.869.474		6.869.474
116	DAO THI THU PHUONG	164235151	103005157171	6.869.474		6.869.474
117	VU TUE MINH	164227912	100005157486	7.117.559		7.117.559
118	VO THI LAN PHUONG	182494237	109005157475	6.869.474		6.869.474
119	LE THI HANG	164095677	106005157369	4.974.142		4.974.142
120	NGUYEN THI THUY HUYEN	164267102	106005157438	6.869.474		6.869.474
121	TRAN THI NAM	164112609	104005157470	4.080.663		4.080.663
122	PHAM THI MINH THU	164027526	107005157452	3.813.953		3.813.953
123	NGUYEN THANH HOA	172409465	101005157419	7.403.809		7.403.809
124	DINH THI LIEN	164239607	102004078470	4.974.142		4.974.142